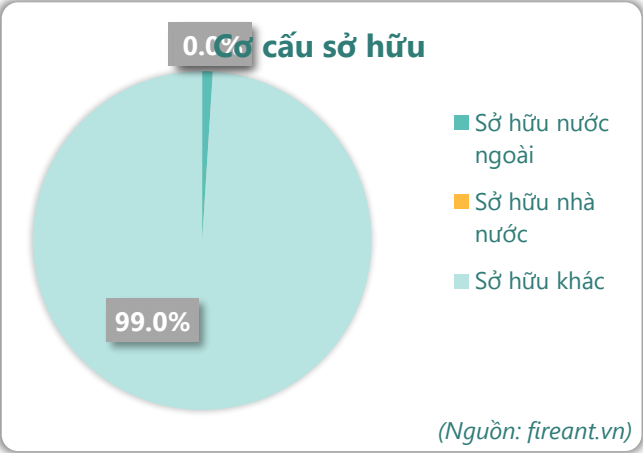


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Phát triển Năng lượng Sơn Hà

Ngày 31/12/2025	6,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.6%	-6.8%	-6.8%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,071 - 8,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	102
Số lượng CPLH (CP)	14,953,156
KLGD BQ 20 phiên (CP)	19,320
Sở hữu nước ngoài	1.0%
Beta	0.39
EPS	898
P/E	7.6



DT thuần Q4/25
102
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 28.5 38.6%
YoY: ▲ 31.5 44.5%

LN thuần Q4/25
2.59
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.30 -33.4%
YoY: ▼2.97 -53.4%

LN sau thuế Q4/25
3.56
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.93 -20.8%
YoY: ▼1.67 -32.0%

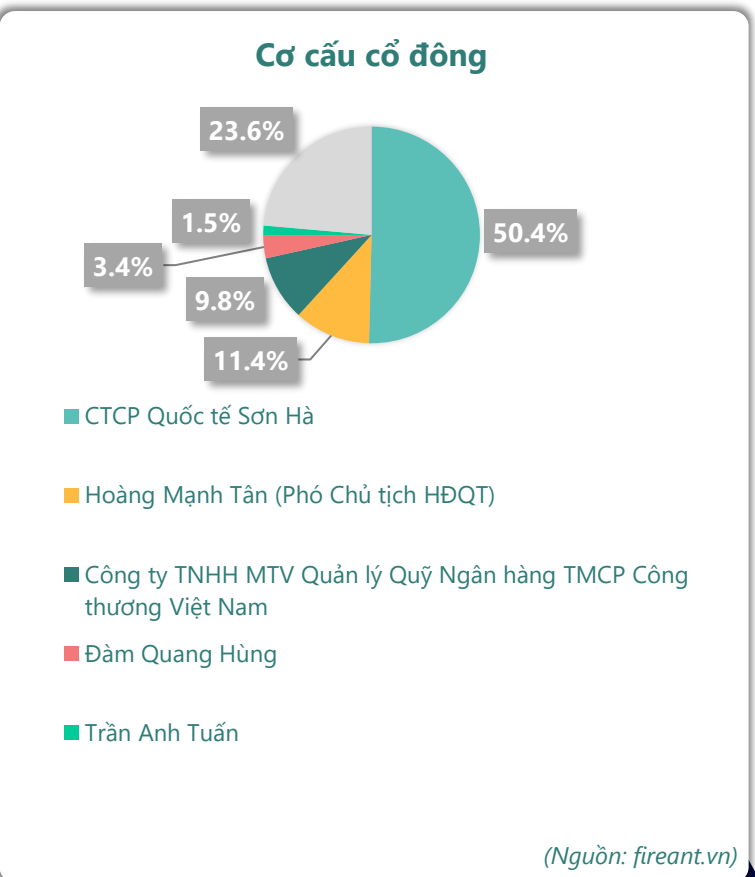
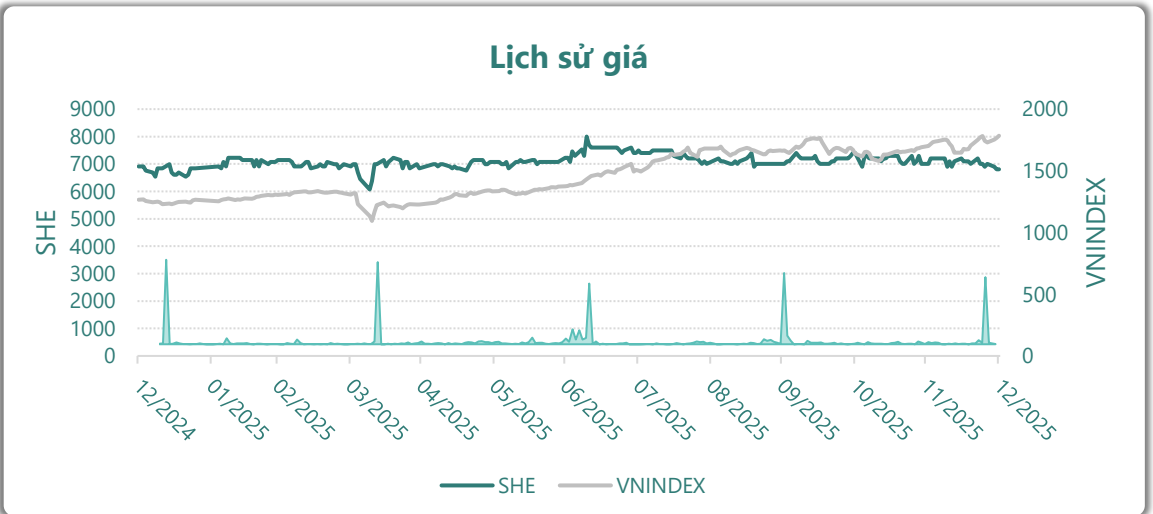
Tỷ suất lãi EBIT 2025
5.9%
YoY: +/- ▼ 4.1%

ROE 2025
8.5%
YoY: +/- ▲ 0.1%

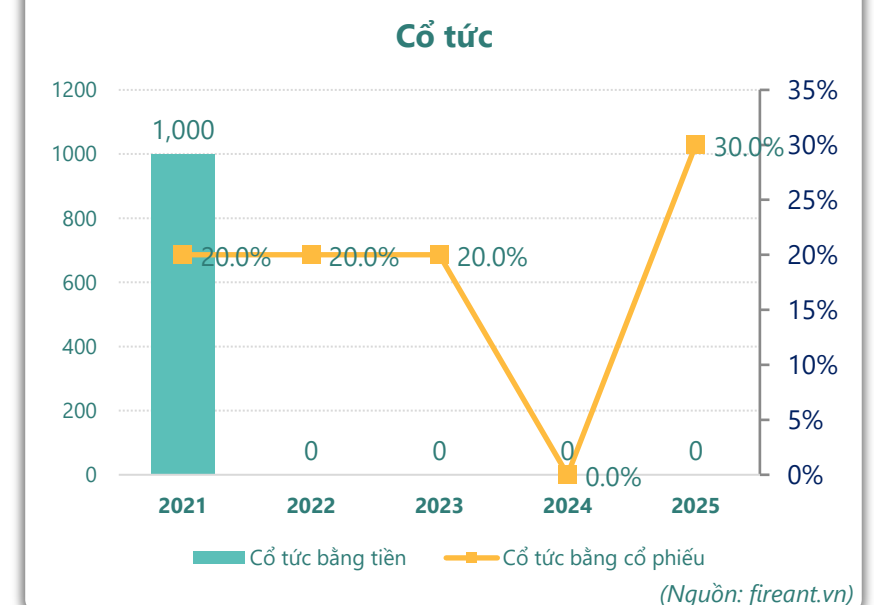
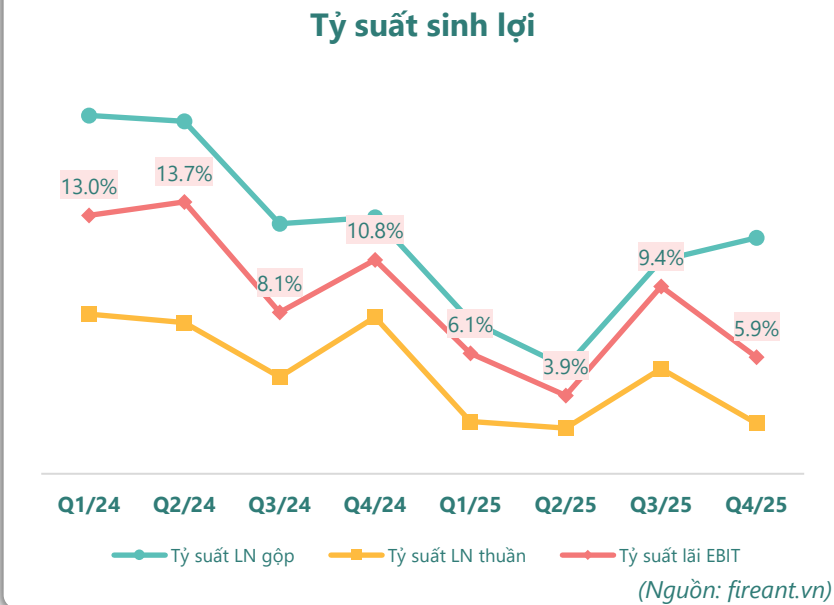
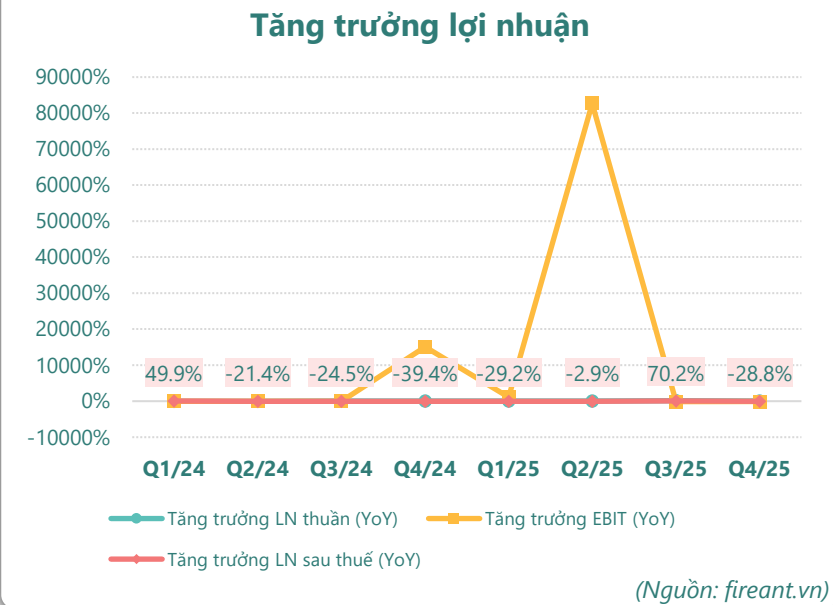
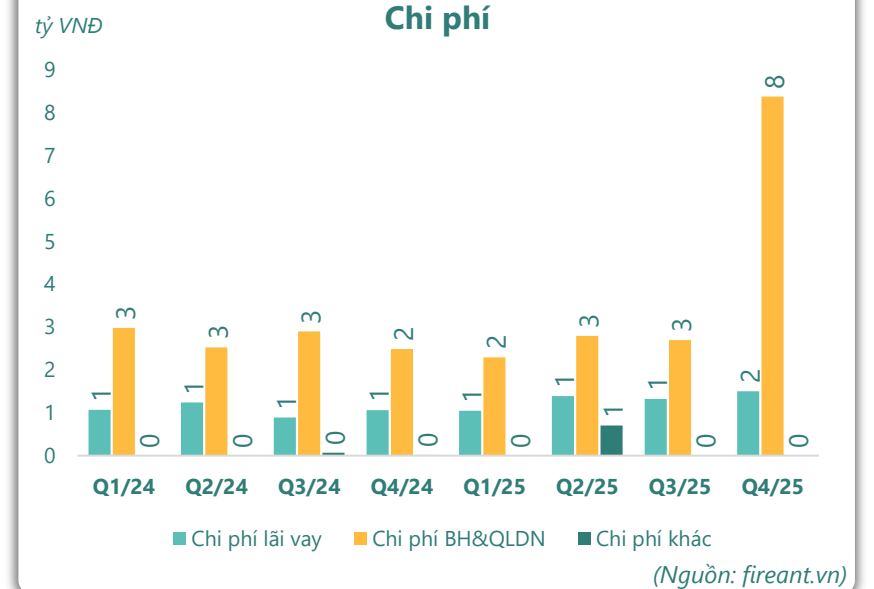
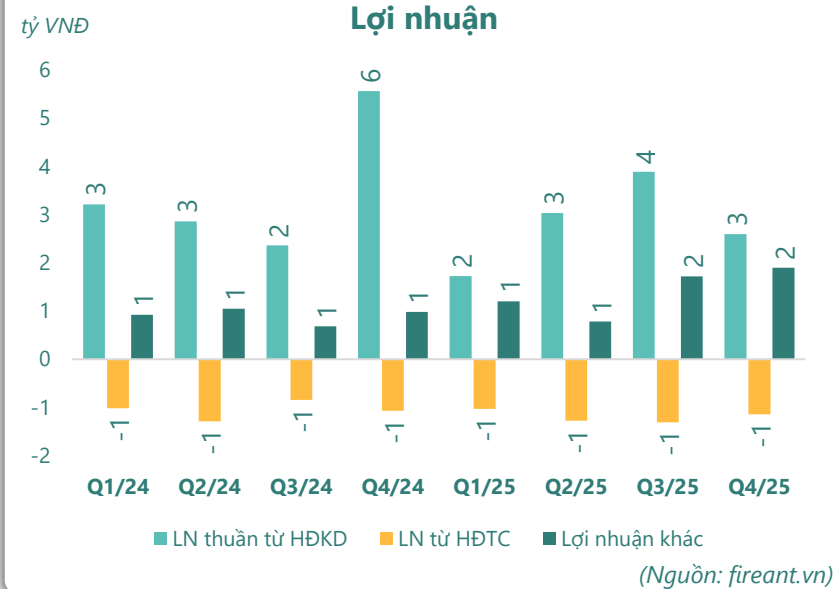
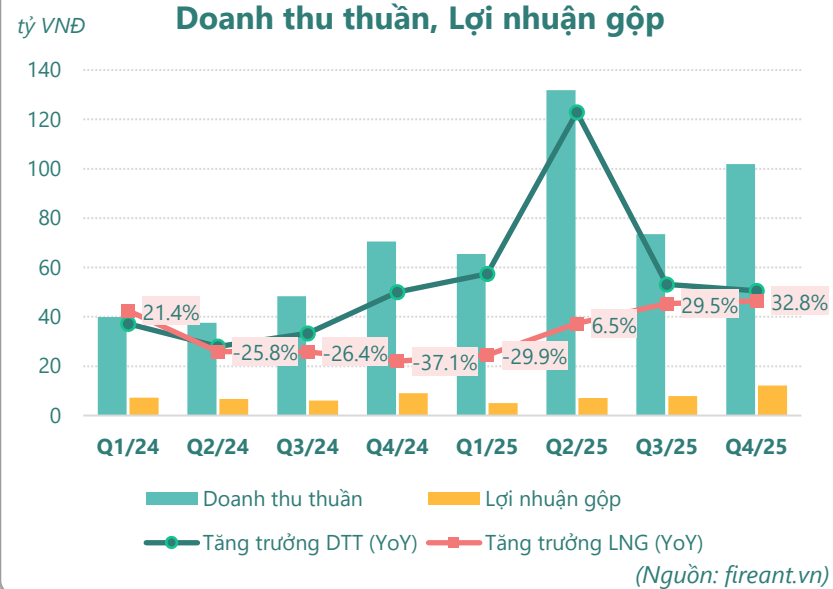
DT thuần 2025
373
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 177 89.8%

LN thuần 2025
11.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.50 -4.2%

LN sau thuế 2025
13.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.20 9.7%



KẾT QUẢ KINH DOANH

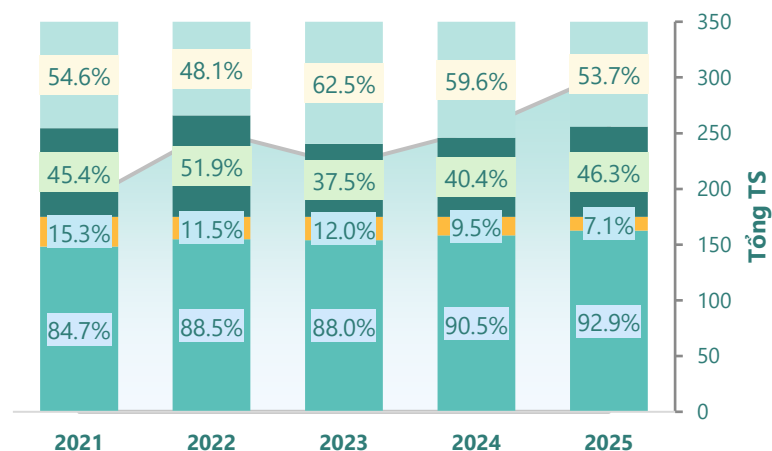




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

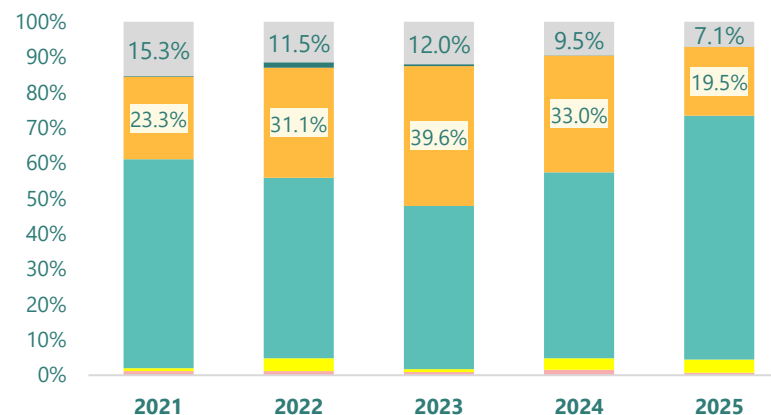
tỷ VNĐ



Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

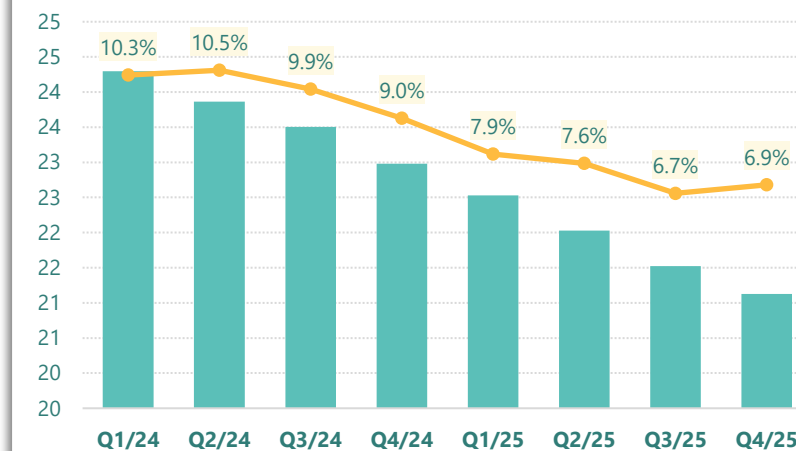


Tiền và TĐ tiền Đầu tư TC ngắn hạn Phải thu ngắn hạn Hàng tồn kho TSNH khác TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

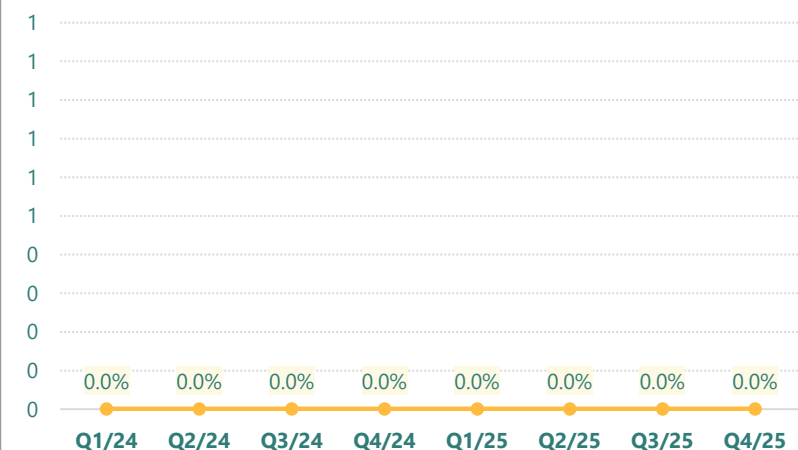


Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

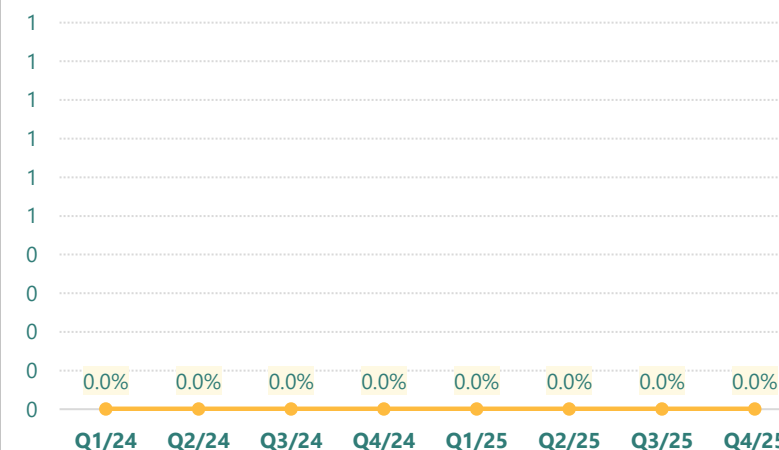


Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

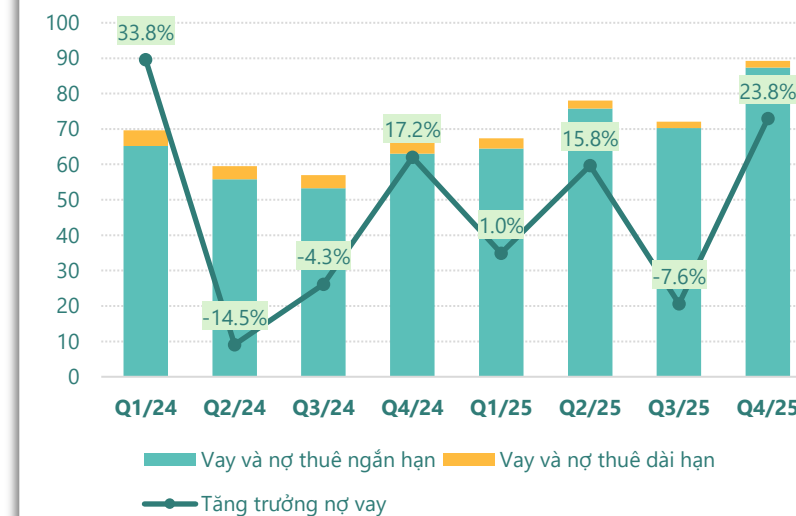


Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



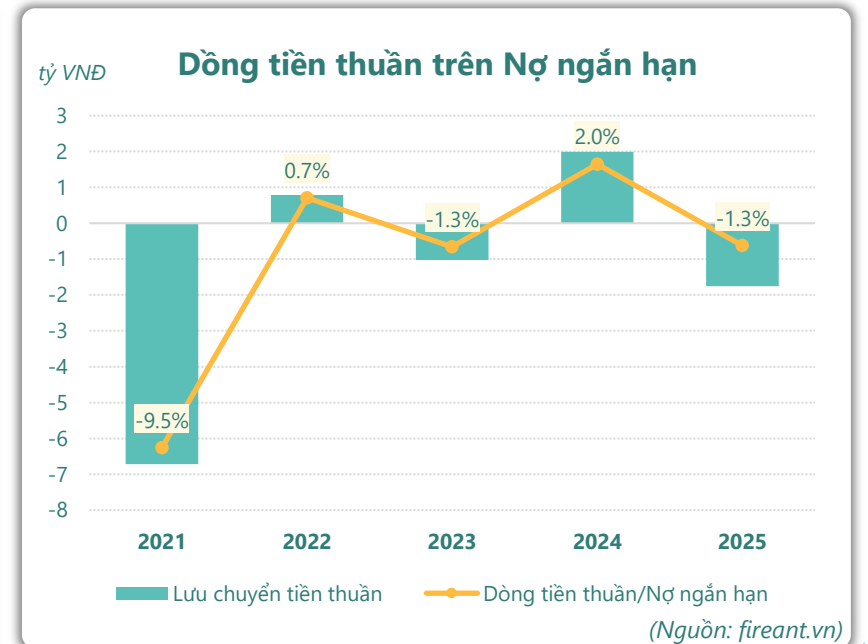
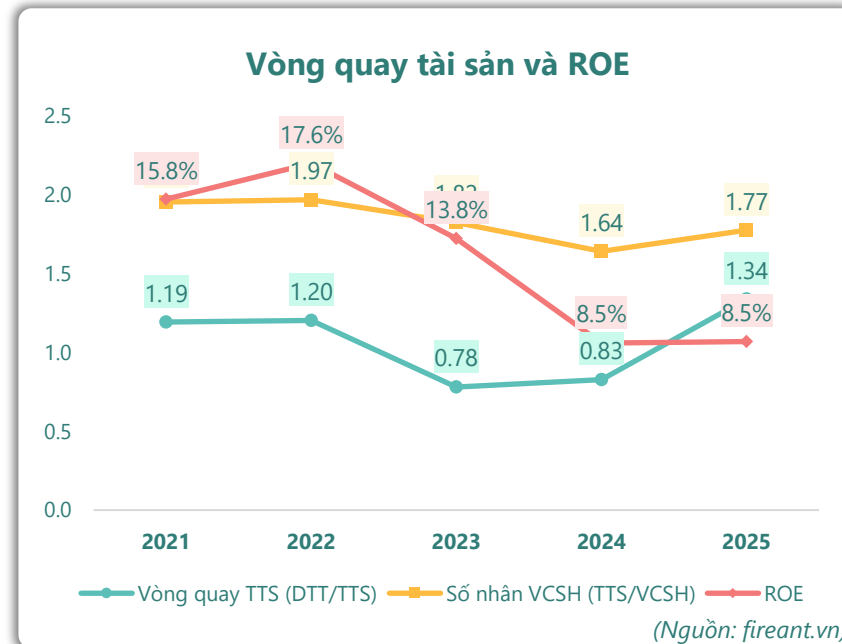
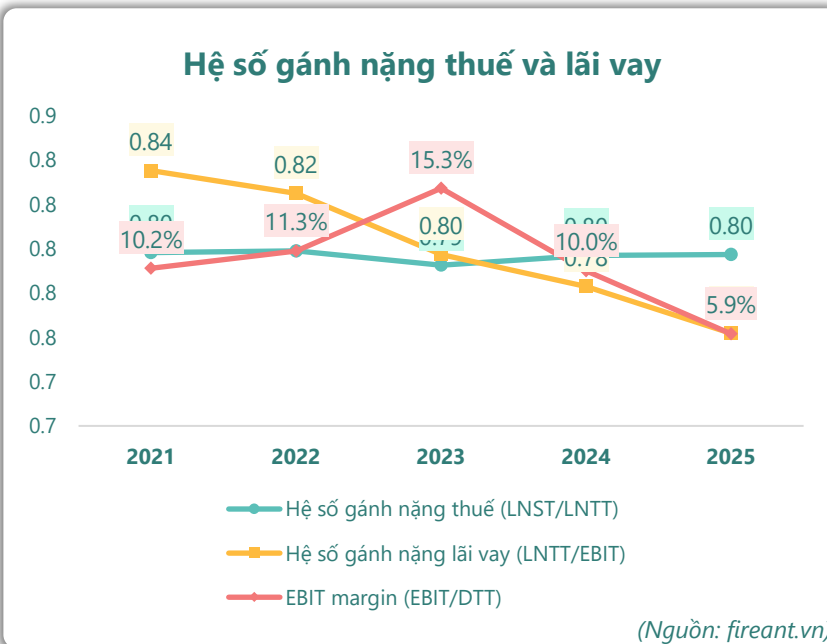
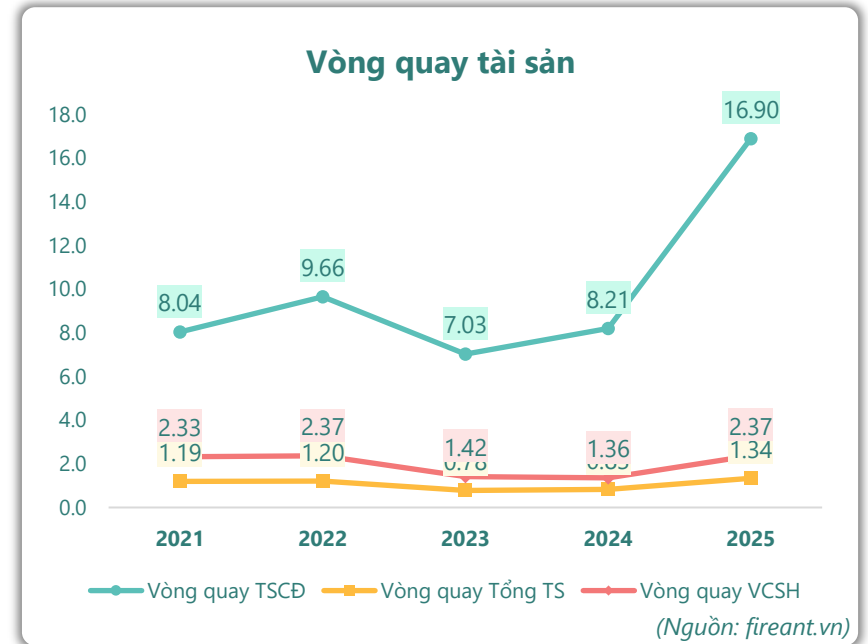
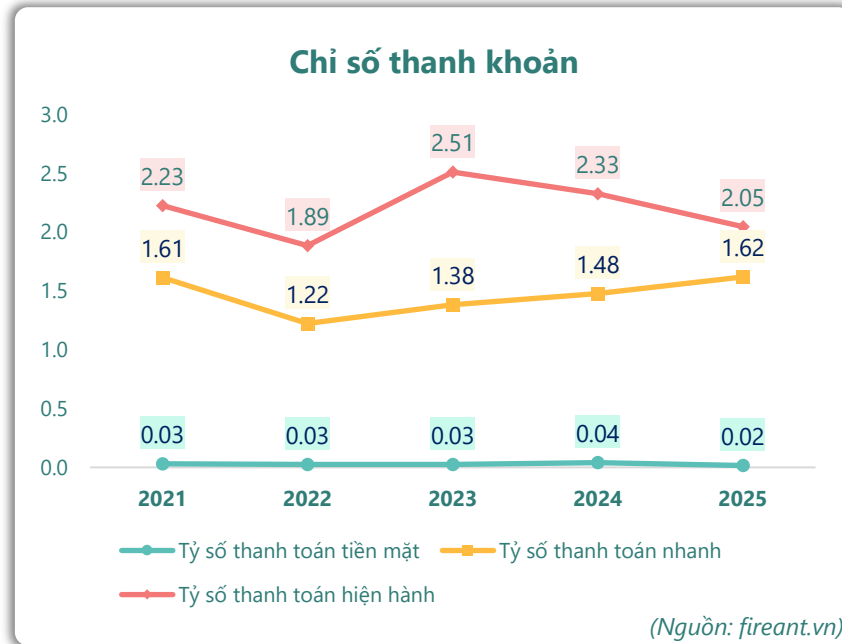
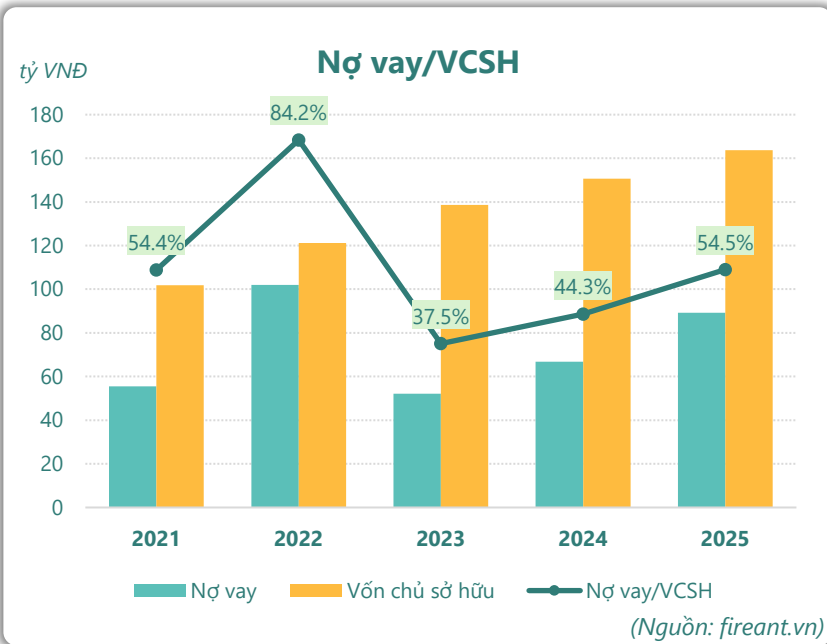
Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	102	70.5	44.5%	373	196	89.8%
Giá vốn hàng bán	89.8	61.4	46.2%	341	167	104%
Lợi nhuận gộp	12.1	9.12	32.8%	32.2	29.1	10.5%
Doanh thu HĐTC	0.38	0.02	1819%	0.58	0.23	150%
Chi phí TC	1.53	1.09	40.1%	5.34	4.45	20.0%
Chi phí lãi vay	1.51	1.06	42.1%	5.27	4.26	23.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.57	0.71	-19.9%	2.02	3.31	-38.9%
Chi phí QLDN	7.81	1.78	339%	14.1	9.84	43.8%
LN thuần từ HĐKD	2.59	5.56	-53.4%	11.2	11.7	-4.2%
Lợi nhuận khác	1.90	0.98	93.8%	5.60	3.63	54.2%
LN trước thuế	4.49	6.54	-31.3%	16.8	15.4	9.6%
Lợi nhuận sau thuế	3.56	5.23	-32.0%	13.4	12.2	9.7%
LNST của CĐ cty mẹ	3.56	5.23	-32.0%	13.4	12.2	9.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.95	-2.53	-3.49	-7.48	6.17	-16.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.20	-3.07	0.00	-2.00	-0.75	0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.58	8.64	0.64	10.6	-5.94	17.1
Tiền đầu kỳ	0.75	0.92	3.96	1.11	2.28	1.76
Lưu chuyển tiền thuần	0.17	3.04	-2.85	1.17	-0.52	0.44
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.92	3.96	1.11	2.28	1.76	2.20

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	305	253	20.5%
Tài sản ngắn hạn	283	229	23.7%
Tiền và tương đương tiền	2.20	3.96	-44.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.2	8.18	36.7%
Phải thu ngắn hạn	210	133	58.1%
Hàng tồn kho	59.3	83.5	-29.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.15	0.16	-2.1%
Tài sản dài hạn	21.6	24.0	-9.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	21.1	23.0	-8.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.48	0.98	-50.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	141	102	38.0%
Nợ ngắn hạn	138	98.3	40.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	87.4	63.8	37.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	43.6	27.0	61.2%
Nợ dài hạn	2.75	3.86	-28.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.84	2.95	-37.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	164	151	8.7%
Vốn chủ sở hữu	164	151	8.7%
Vốn điều lệ	150	115	30.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

